

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/DS-ST

Ngày: 22-4-2026

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đức Lâm

Ông Nguyễn Văn Bào

-Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh: Ông Ong Văn C - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 592/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-DS ngày 25/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-DS ngày 20/3/2026; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 23/2026/QĐST-DS ngày 30/3/2026, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Ông Vũ Đình D, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

****Bị đơn:*** Ông Hoàng Kim L, sinh năm 1977 và vợ là bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975 (ông L có đơn xin vắng, bà T vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

****Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Đặng Thị D1, sinh năm 1968 (là vợ ông D) (có đơn xin vắng)

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

-Anh Hoàng Kim L1, sinh năm 1997 (vắng mặt)

-Anh Hoàng Kim T1, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2025, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Đình D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 15/3/2019 âm lịch (tức 19/4/2019 dương lịch), ông có cho vợ chồng ông Hoàng Kim L và bà Hoàng Thị T vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi xuất 1%/ tháng, mục đích vay để chăn nuôi lợn; thời hạn vay đến 15/9/2019 âm lịch, thì vợ chồng ông L và bà T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền gốc và lãi. Trong quá trình vay thì anh L đã trả được cho vợ chồng ông số tiền gốc 40.000.000 đồng vào năm

2020, còn số tiền lãi thì chưa trả được số tiền nào. Khi vay hai bên có viết giấy vay nợ đề ngày 15/3/2019 âm lịch. Ông xác định chữ chữ “Lập, Hoàng Kim L” do ông L viết và ký, Còn chữ “T, Hoàng Thị T” do bà T viết và ký; còn chữ “T1, Hoàng Kim T1”; “L1, Hoàng Kim L1” và chữ “T2, Trần Thị T2” là do con trai và con dâu ông L viết và ký. Ngày 08/2/2024 âm lịch thì anh Hoàng Kim L có ký khất nợ và xin trả 50.000.000 đồng vào năm 2024, nhưng từ đó ông L vẫn chưa trả được số tiền gốc còn nợ 260.000.000 đồng và số tiền lãi nào. Ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông và là nợ chung của vợ chồng ông L và bà T, không liên quan đến các con và đề nghị Tòa án không đưa anh Hoàng Kim T1, anh Hoàng Kim L1, chị Trần Thị T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông L và bà T phải trả cho vợ chồng ông số tiền gốc 260.000.000 đồng và trả số tiền lãi là 12%/năm, tính từ ngày vay 19/3/2019 âm lịch cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông D có mặt, ông thay đổi mức tính lãi suất, ông chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 10%/năm từ ngày vay 15/3/2019 âm lịch (tức ngày 19/4/2019) dương lịch cho đến ngày xét xử. Ông xác định ngày vay chính xác là ngày 15/3/2019 âm lịch.

*Bị đơn ông Hoàng Kim L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 15/3/2019 âm lịch, ông có vay của vợ chồng ông Duyên số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi xuất 2.000.000 đồng/1 triệu/1 ngày, mục đích vay để chăn nuôi lợn, thời hạn vay đến 15/9/2019 âm lịch thì trả. Trong quá trình vay, ông xác định đã trả được số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), còn số tiền lãi thì chưa trả được số tiền lãi nào. Khi vay hai bên có viết giấy vay nợ. Ông xác định chữ ký và chữ viết “Lập, Hoàng Kim L” do ông viết và ký, Còn chữ “T, Hoàng Thị T” do vợ ông là T viết và ký; còn chữ “T1, Hoàng Kim T1”; “L1, Hoàng Kim L1” và chữ “T2, Trần Thị T2” là do con trai và con dâu ông viết và ký. Hiện nay chị T2 và anh T1 đã ly hôn. Ông xác định đây là nợ chung của vợ chồng ông, không liên quan đến các con, và đề nghị Tòa án không đưa anh T1, anh L1 và chị T2 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nay ông D yêu cầu vợ chồng ông phải trả cho vợ chồng ông Duyên số tiền gốc 260.000.000 đồng và trả số tiền lãi là 12%/năm, tính từ ngày vay 15/3/2019 âm lịch cho đến ngày xét xử thì ông xác định chỉ còn nợ số tiền 240.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 240.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì ông xin miễn. Ông sẽ cung cấp cho Tòa án chứng cứ cho việc trả số tiền gốc 60.000.000 đồng vào ngày 12/01/2026.

Bà Hoàng Thị T trình bày: Bà đã được cán bộ Tòa án cho xem giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận đề ngày 15/3/2019 âm lịch. Bà xác định chữ viết và ký “T, Hoàng Thị T” là do bà viết và ký, còn chữ ký “L1, Hoàng Kim L1” và chữ “T1, Hoàng Kim T1” là do các con bà viết và ký, chữ viết “Lập, Hoàng Kim L” do chồng bà viết và ký. Lý do bà và các con bà viết và ký là do ông L chồng bà bảo ký, còn số tiền ông D cho ông L mượn là để ông L cho người khác vay, không dùng vào mục đích phát triển kinh tế gia đình. Đối với mã vay đề ngày 15/3/2019 âm lịch, thì ông L đã trả được số tiền 60.000.000 đồng. Còn đối với giấy khất nợ đề ngày 08/02/2024 âm lịch, thì bà không biết và không liên quan. Nay bà xác định ông L còn nợ ông Duyên số tiền 240.000.000 đồng và xác định là nợ riêng của ông L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Kim T1 trình bày: Anh xác định việc vay giữa ông L với ông D như thế nào thì anh không được biết, anh xác định chữ viết “ T1, Hoàng Kim T1” là do anh viết và ký, lý do viết là do bố anh bảo ký thì anh ký. Nay ông D khởi kiện thì xác định là nợ riêng của ông L, không liên quan đến anh, anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Kim L1 trình bày: Anh đã được cán bộ Tòa cho xem nội dung giấy biên nhận vay tiền thỏa thuận đề ngày 19/3/2019 âm lịch, anh xác định không biết và không liên quan và từ chối trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa ông L vắng mặt và có đơn xin vắng, bà T, anh T1 và anh L1 đều vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị D1 (vợ ông D) trình bày: Nay bà yêu cầu vợ chồng ông L và bà T phải trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 260.000.000 đồng và trả số tiền lãi là 12%/năm, tính từ ngày vay 15/3/2019 âm lịch cho đến ngày xét xử. Vì lý do công việc nên bà ủy quyền cho ông Vũ Đình D là chồng bà tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án. Mọi quyết định của ông D là quyết định của bà.

Tại phiên tòa bà Đặng Thị D1 có mặt và nhất trí với ý kiến của ông D, không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2- Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình D.

Buộc ông Hoàng Kim L và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Đình D và bà Đặng Thị D1 số tiền gốc là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 182.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 442.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: ông Hoàng Kim L và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu 21.680.000đồng (Hai mươi một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả ông Vũ Đình Duyên S tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.640.000đồng (Mười triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004949 ngày 25/12/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Vũ Đình D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Kim L và bà Hoàng Thị T trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn xã H, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, bà T vắng mặt lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T1 và anh L1 vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Vũ Đình D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Kim L và bà Hoàng Thị T trả số tiền gốc 260.000.000 đồng thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì hai bên đều xác định vợ chồng ông Hoàng Kim L và bà Hoàng Thị T có vay của ông Vũ Đình D tổng số tiền gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khi vay, hai bên có viết giấy vay, có thỏa thuận lãi ghi trong giấy vay 1%/tháng, có thời hạn vay, mục đích vay để chăn nuôi. Ông Vũ Đình D xác định vợ chồng ông L và bà T đã trả được số tiền gốc là 40.000.000 đồng, số tiền lãi thì chưa trả được số tiền nào. Ông L và bà T xác định đã trả được số tiền gốc 60.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì chưa trả, nhưng ông L không có giấy tờ gì chứng minh cho việc trả số tiền gốc 60.000.000 đồng. Như vậy, chỉ xác định ông L và bà T đã trả được số tiền gốc 40.000.000 đồng cho ông D là có căn cứ. Nay ông Vũ Đình D khởi kiện vợ chồng ông L và bà T trả số tiền gốc 260.000.000 đồng, và lãi là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông Vũ Đình D xác định là nợ chung của vợ chồng ông L và bà T và là tài sản chung của vợ chồng ông D. Ông L cũng xác định là nợ chung của vợ chồng, mục đích vay để chăn nuôi lợn. Bà T xác định là nợ riêng của ông L, nhưng tại giấy biên nhận thỏa thuận vay tiền đề ngày 15/3/2019 âm lịch bà xác định chữ viết “Tám, Hoàng Thị T” do bà viết và ký. Bà xác định là nợ riêng của ông L nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc nợ riêng của ông L. Còn anh T1 và anh L1 có ký, nhưng mục đích ký do ông L bảo ký, còn không được sử dụng số tiền trên. Do vậy, buộc vợ chồng ông L và bà T phải trả cho vợ chồng ông D và bà D1 là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết, khi vay ông D xác định lãi xuất vay là 1%/tháng, có ghi vào giấy vay, còn ông L trình bày là lãi ngày. Khi vay có thỏa thuận thời hạn trả nên được xác định là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Trong

quá trình giải quyết vụ án, ông D yêu cầu tính lãi 12%/năm. Tại phiên tòa ông D thay đổi yêu cầu mức lãi, chỉ yêu cầu mức lãi 10%/ năm. Xét thấy, mức lãi ông D yêu cầu là 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi từ ngày 15/3/2019 âm lịch (tức 19/4/2019 dương lịch) của số tiền 260.000.000 đồng là 7 năm 02 ngày. Ông D chỉ yêu cầu thời gian tính lãi là 7 năm, nên số tiền lãi là 182.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình D được chấp nhận nên vợ chồng ông L và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Vũ Đình D được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2- Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình D.

Buộc ông Hoàng Kim L và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Đình D và bà Đặng Thị D1 số tiền gốc là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 182.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 442.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: ông Hoàng Kim L và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu 21.680.000 đồng (Hai mươi một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Hoàn trả ông Vũ Đình Duyên S tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.640.000 đồng (Mười triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004949 ngày 25/12/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị SỰ

